

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 55

30
I N
ÔN
NH
ST
IẾ
SI
KI

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cùn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	
Xí nghiệp nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch
Bà Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Lê Đình Trường	Thành viên
Ông Lê Trọng Bài	Thành viên
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Quang	Trưởng ban
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên
Bà Lê Thị Tình	Ủy viên

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 1 năm 2016
Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 1 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:



- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 


Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

Số tham chiếu: 61060845/18027608 - HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Công ty và các công ty con") được lập ngày 22 tháng 9 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 55, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.


Vấn đề khác

Các dữ liệu tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, cũng như trên các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan, chưa được kiểm toán.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam


Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1



Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.101.425.586.818	1.001.771.385.932
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	44.371.716.087	31.413.136.915
111	1. Tiền		31.828.382.787	19.413.136.915
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.543.333.300	12.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		3.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		342.294.517.131	502.579.924.686
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	130.541.241.046	103.605.409.713
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	142.930.606.127	345.430.457.069
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	56.451.095.570	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	29.291.340.093	56.531.483.818
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.3	(16.919.765.705)	(4.566.887.648)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	1.579.461.734
140	IV. Hàng tồn kho	9	708.243.599.122	454.557.709.883
141	1. Hàng tồn kho		711.007.979.932	454.567.201.383
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.764.380.810)	(9.491.500)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.515.754.478	13.220.614.448
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	1.380.858.350	12.958.296.391
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	7.182.381
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.134.896.128	255.135.676

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.603.075.277.270	1.444.137.768.195
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.342.339.237	14.739.620
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	4.092.401.544	-
216	2. Phải thu dài hạn khác		1.272.437.693	37.239.620
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(22.500.000)	(22.500.000)
220	II. Tài sản cố định		1.432.502.030.190	1.275.549.829.923
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.408.839.135.742	1.264.583.793.663
222	Nguyên giá		2.979.265.124.259	2.447.253.394.905
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.570.425.988.517)	(1.182.669.601.242)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	23.662.894.448	10.966.036.260
228	Nguyên giá		33.683.481.590	19.477.267.795
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.020.587.142)	(8.511.231.535)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		72.590.808.031	96.963.449.493
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	72.590.808.031	96.963.449.493
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	33.789.547.388	35.101.683.506
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		18.538.401.588	19.610.983.506
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.251.145.800	15.490.700.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		58.850.552.424	36.508.065.653
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	50.545.801.356	33.349.800.018
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	32.3	5.613.289.027	389.669.139
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		2.691.462.041	2.768.596.496
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.704.500.864.088	2.445.909.154.127

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.071.279.863.832	967.356.717.277
310	I. Nợ ngắn hạn		937.417.611.526	912.511.496.199
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	55.667.222.604	33.317.573.822
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	116.222.690.612	8.987.931.340
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	7.865.896.928	6.670.209.449
314	4. Phải trả người lao động		9.820.517.627	7.214.509.567
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	22.697.854.443	32.893.080.752
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	11.098.252.142	17.730.478.547
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	689.673.771.479	734.103.709.294
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	24.371.405.691	71.594.003.428
330	II. Nợ dài hạn		133.862.252.306	54.845.221.078
333	1. Chi phí phải trả dài hạn		849.231.858	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	10.060.855.983	-
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	64.990.000.000	-
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	21	57.962.164.465	54.845.221.078
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.633.221.000.256	1.478.552.436.850
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.589.240.195.847	1.477.919.128.593
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	22.1	700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22.1	180.176.411.784	180.176.411.784
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	22.1	568.026.596.583	580.895.153.393
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	22.1	133.182.845	133.182.845
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	115.289.865.814	16.287.017.797
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		18.906.648.220	852.220.800
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		96.383.217.594	15.434.796.997
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23	25.614.138.821	427.362.774
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		43.980.804.409	633.308.257
431	1. Nguồn kinh phí	24.1	3.909.335.593	549.973.593
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	24.2	40.071.468.816	83.334.664
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.704.500.864.088	2.445.909.154.127

Người lập
Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	2.010.303.955.884	1.637.747.887.516
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	-	1.059.758.649
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	26.1	2.010.303.955.884	1.636.688.128.867
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	1.734.000.105.691	1.466.226.204.612
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		276.303.850.193	170.461.924.255
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	13.734.720.603	4.335.345.515
22 23	7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	28	44.413.053.516 41.109.240.410	45.896.607.324 44.982.781.731
24	8. Phần (lỗ)/lợi nhuận từ công ty liên kết	13.1	(1.072.581.918)	241.840.762
25	9. Chi phí bán hàng	29	49.329.064.504	39.421.328.818
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	72.086.476.755	48.656.599.820
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		123.137.394.103	41.064.574.570
31	12. Thu nhập khác	30	2.255.390.844	6.023.293.092
32	13. Chi phí khác	30	8.409.449.204	7.649.184.123
40	14. Lỗ khác [40 = 31 - 32]	30	(6.154.058.360)	(1.625.891.031)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		116.983.335.743	39.438.683.539
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	14.592.947.996	10.932.521.469
52	17. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	32.3	389.669.139	(55.184.003)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		102.000.718.608	28.561.346.073
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		98.383.217.594	33.643.779.047
62	20. Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	23	3.617.501.014	(5.082.432.974)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	1.405	491
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	34	1.405	491



Người lập
Đỗ Thị Thanh Hà



Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		116.983.335.743	39.438.683.539
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		146.152.432.688	116.948.506.449
03	Các khoản dự phòng		6.433.004.442	(78.922.829)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		132.163.488	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.791.857.333)	(4.289.185.435)
06	Chi phí lãi vay	28	41.109.240.410	44.982.781.731
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		301.018.319.438	197.001.863.455
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		215.242.897.498	(180.668.137.517)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(218.730.035.520)	164.491.162.691
11	Tăng các khoản phải trả		26.242.661.053	47.214.306.033
12	Giảm chi phí trả trước		(1.889.799.767)	(3.730.054.601)
14	Tiền lãi vay đã trả		(38.572.706.592)	(63.083.029.650)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	32.2	(13.457.834.884)	(17.361.354.443)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.596.550.000	4.731.186.483
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.160.177.245)	(8.402.071.286)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		264.289.873.981	140.193.871.165
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(160.156.665.646)	(250.583.102.427)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	21.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(71.242.315.014)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		116.546.884.743	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(127.258.303.160)	(36.200.000)
	<i>Trong đó: Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con, trừ đi tiền thu về</i>		<i>(33.573.578.086)</i>	<i>-</i>
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		94.020.109.274	30.606.078.800
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia		12.627.449.348	4.047.344.673
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(135.462.840.455)	(215.944.878.954)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.335.427.145.252	1.169.418.537.570
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.441.162.873.630)	(1.067.802.693.395)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(10.132.725.976)	(50.509.700.861)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(115.868.454.354)	51.106.143.314
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12.958.579.172	(24.644.864.475)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		31.413.136.915	56.058.001.390
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	44.371.716.087	31.413.136.915

Người lập
Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng
Lê Thị Huệ



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất gạch;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cùn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn Bá Thước	Thị trấn Cảnh Nằng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Cơ giới Lam Sơn	Thị trấn Sao Vàng, Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là: 826 (ngày 30 tháng 6 năm 2015: 804).

Tính chất mùa vụ đối với hoạt động sản xuất của Công ty

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 98,01% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Sản xuất đường có tính mùa vụ theo thời gian của mùa vụ trồng và thu hoạch mía thường diễn ra trong giai đoạn từ tháng 9 đến tháng 3. Theo đó, các chi phí sản xuất chính liên quan trực tiếp đến sản phẩm đường của Công ty thường phát sinh trong giai đoạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 6 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	90%	90%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Văn Sơn	100%	100%	Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước	100%	100%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
5	Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công	56,61%	56,61%	Huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất và kinh doanh đường
6	Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con trước đây bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Kể từ năm 2015 trở đi, kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm nay và kết thúc ngày 30 tháng 6 của năm tiếp theo để phù hợp với chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các Công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất trong năm nay được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất trong năm tài chính trước.

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
cụ và hàng hóa

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- ▶ Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty và các công ty con trích lập và phân bổ đều chi phí khấu hao của cả năm tài chính cho các tháng mà các nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính; và
- ▶ Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty và các công ty con trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty và các công ty con áp dụng như sau:

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí tiền thuê đất; và
- ▶ Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 5 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là ba (3) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại* (tiếp theo)

Mua tài sản

Công ty mua các công ty con sở hữu bất động sản hoặc các tài sản khác. Tại thời điểm mua, Công ty sẽ xác định liệu việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với bất động sản/tài sản được mua. Cụ thể hơn, Công ty sẽ cân nhắc mức độ các quy trình quan trọng được mua theo hướng dẫn trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng niên độ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty và của các công ty con phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.14 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 9 tháng 2 năm 2011. Số tiền trích quỹ hàng năm được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.15 Nguồn kinh phí sự nghiệp

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC GIAO DỊCH QUAN TRỌNG VỀ MUA VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CÔNG TY CON

4.1 Mua công ty con

4.1.1 Mua Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống

Vào ngày 5 tháng 1 năm 2016, Công ty đã mua 1.180.000 cổ phần (tương ứng 56,61% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 2603000500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006. Theo đó, Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống đã chính thức trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống tại ngày mua được Công ty xác định dựa trên ước tính tạm thời như được trình bày dưới đây do Công ty đang trong quá trình hoàn tất việc đánh giá và xác định giá trị hợp lý các khoản mục tài sản và nợ phải trả của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Giá trị hợp lý tạm tính ghi nhận tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền	986.421.914
Các khoản phải thu	114.424.420.984
Hàng tồn kho	34.909.435.488
Các tài sản ngắn hạn khác	6.824.262.461
Tài sản cố định hữu hình	45.914.372.323
Tài sản cố định vô hình	1.253.559.809
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.892.655.665
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.613.289.027
Tài sản dài hạn khác	516.322.933
	222.334.740.604
Nợ phải trả	
Vay và nợ thuê tài chính	(126.295.790.563)
Phải trả người bán ngắn hạn	(28.770.697.159)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(11.767.823.031)
Phải trả khác	(8.311.698.424)
	(175.146.009.177)
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	47.188.731.427
Cổ đông không kiểm soát	(20.474.711.525)
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	(754.019.902)
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	25.960.000.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	986.421.914
Tiền chi để mua công ty con	(25.960.000.000)
Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	(24.973.578.086)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC GIAO DỊCH QUAN TRỌNG VỀ MUA VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CÔNG TY CON
(tiếp theo)

4.1 Mua công ty con (tiếp theo)

4.1.2 Mua Công ty TNHH Một thành viên Thành An - Lam Sơn (tên trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại Thành An)

Vào ngày 8 tháng 6 năm 2016, Công ty đã mua 18.000 cổ phần (tương ứng 100% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Thương mại Thành An, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 2801078996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp vào ngày 22 tháng 11 năm 2007. Theo đó, Công ty Cổ phần Thương mại Thành An đã trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, công ty này đã hoàn thành thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và đánh giá rằng việc mua công ty này là việc mua nhóm các tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh. Theo đó, giá phí của giao dịch này được phân bổ cho các tài sản, nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản, nợ phải trả đó tại ngày mua.

4.2 Mua thêm cổ phần tại các công ty con hiện hữu

4.2.1 Mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước, công ty con hiện hữu

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Công ty số 466/NQ/ĐLS-HĐQT ngày 25 tháng 7 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua lại:

- ▶ 900.000 cổ phần (tương đương 6,67% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước từ Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng, một công ty con khác của Công ty;
- ▶ 900.000 cổ phần (tương đương 6,67% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước từ Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn, một công ty con khác của Công ty;
- ▶ 900.000 cổ phần (tương đương 6,67% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước từ Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn, một công ty con khác của Công ty;
- ▶ 300.000 cổ phần (tương đương 2,22% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước từ các cổ đông không kiểm soát.

Các giao dịch nêu trên được hoàn thành vào ngày 10 tháng 9 năm 2015 và theo đó, làm tăng tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước lên 100% kể từ ngày này.

Giá phí phải trả bằng tiền cho các giao dịch mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước nêu trên là 3.000.000.000 VND (trong đó giao dịch với các cổ đông khác là 300.000.000 VND). Phần chênh lệch giữa giá phí của khoản đầu tư thêm và phần sở hữu tăng thêm trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần trong Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước là 19.008.836 VND và được Công ty ghi nhận vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để chuyển đổi từ công ty cổ phần sang hình thức công ty TNHH Một thành viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC GIAO DỊCH QUAN TRỌNG VỀ MUA VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CÔNG TY CON
(tiếp theo)

4.2 Mua thêm cổ phần tại các công ty con hiện hữu (tiếp theo)

4.2.2 Mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Nông Công Nghiệp Dịch Vụ Thương mại Vân Sơn, công ty con hiện hữu

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Công ty số 466/NQ/ĐLS-HĐQT ngày 25 tháng 7 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua lại:

- ▶ 180.000 cổ phần (tương đương 15,79% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn từ Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn, một công ty con khác của Công ty.
- ▶ 60.000 cổ phần (tương đương 5,26% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn từ Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn, một công ty con khác của Công ty.

Các giao dịch nêu trên được hoàn thành vào ngày 10 tháng 9 năm 2015 và theo đó, làm tăng tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty trong Công ty Cổ phần Nông Công Nghiệp Dịch Vụ Thương mại Vân Sơn lên 100% kể từ ngày này.

Các giao dịch này không làm thay đổi tổng tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn nên không làm phát sinh chênh lệch giữa giá phí của khoản đầu tư thêm và phần sở hữu tăng thêm trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần trong báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để chuyển đổi từ công ty cổ phần sang hình thức công ty TNHH Một thành viên.

4.3 Chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn, công ty con hiện hữu

Vào ngày 15 tháng 8 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 155.000 cổ phần (tương đương 10% vốn cổ phần) tại Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn, một công ty con của Công ty cho các cổ đông khác, và qua đó, làm giảm tỷ lệ lợi ích của Công ty tại công ty con này xuống còn 90% kể từ ngày này.

Giá phí chuyển nhượng nhận được bằng tiền cho giao dịch bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn nêu trên là 1.550.000.000 VND. Phần chênh lệch giữa giá phí chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần được chuyển nhượng là 39.432.793 VND được Công ty ghi nhận vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.4 Sáp nhập công ty con

Theo Nghị quyết số 838 NQ/ĐLS-HĐQT ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã sáp nhập Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn, một công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, và điều chuyển toàn bộ tài sản và nợ phải trả của công ty này về Công ty.

Theo Quyết định số 497 QĐ/ĐLS-HĐQT ngày 11 tháng 8 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã ký biên bản thỏa thuận với Hiệp hội Mía đường Lam Sơn, một thành viên góp vốn khác tại Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh, và hoàn tất việc sáp nhập đơn vị này về Công ty trong năm. Công ty đã hoàn trả cho Hiệp hội Mía đường Lam Sơn số tiền tương ứng với tỷ lệ sở hữu của đơn vị này trong giá trị tài sản thuần của Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh tại ngày sáp nhập và thực hiện điều chuyển toàn bộ tài sản và nợ phải trả của đơn vị này về Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.385.810.007	833.238.006
Tiền gửi ngân hàng	30.442.572.780	18.579.898.909
Các khoản tương đương tiền (*)	12.543.333.300	12.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>44.371.716.087</u>	<u>31.413.136.915</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất từ 4,2% – 4,4%/năm.

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.335.427.145.252	1.169.418.537.570
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.441.162.873.630)	(1.067.802.693.395)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	127.019.638.046	100.683.806.713
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory		
Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	77.151.112.500	35.555.046.189
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	16.400.000.000	-
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory		
Pepsico Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	8.925.000.000	41.404.653.938
Các khoản phải thu khách hàng khác	24.543.525.546	23.724.106.586
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	3.521.603.000	2.921.603.000
TỔNG CỘNG	130.541.241.046	103.605.409.713
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng	(6.245.724.697)	(4.566.887.648)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	136.643.903.554	289.101.079.926
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu cho hợp tác xã và hộ nông dân	99.750.065.188	213.235.650.333
Trả trước cho người bán khác	36.893.838.366	75.865.429.593
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	6.286.702.573	56.329.377.143
TỔNG CỘNG	142.930.606.127	345.430.457.069

6.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.566.887.648	2.592.155.289
Tăng do hợp nhất kinh doanh	5.950.589.839	-
Dự phòng trích lập trong năm	6.402.288.218	1.974.732.359
Số cuối năm	16.919.765.705	4.566.887.648
Trong đó:		
Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6.1)	(6.245.724.697)	(4.566.887.648)
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)	(10.275.741.008)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Ngắn hạn						
Cho vay hỗ trợ các hộ trồng mía	56.451.095.570	-	56.451.095.570	-	-	-
Dài hạn						
Cho vay hỗ trợ các hộ trồng mía	4.092.401.544	-	4.092.401.544	-	-	-
TỔNG CỘNG	60.543.497.114	-	60.543.497.114	-	-	-

Bao gồm các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo và có kỳ hạn từ dưới 1 năm đến 3 năm của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống, một công ty con của Công ty, cho các hộ nông dân vay không thu lãi hoặc thu lãi với mức lãi suất là 6%/năm để phục vụ việc trồng mía nguyên liệu. Các khoản cho vay này sẽ được thanh toán bù trừ công nợ giữa Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống và các hộ nông dân trồng mía.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.552.641.754	-	41.907.229.264	-
Các khoản cho vay không lãi suất quá hạn	8.504.060.306	(4.252.030.153)	8.504.060.306	-
Phải thu các hộ nông dân tiền đầu tư vụ mía (*)	6.173.554.936	(6.023.710.855)	-	-
Tạm ứng cho công nhân viên	1.067.602.995	-	2.590.132.805	-
Tiền chuyển nhượng cổ phần	-	-	1.162.860.000	-
Các khoản phải thu công nhân viên	298.484.104	-	498.722.813	-
Phải thu khác	1.694.995.998	-	1.868.478.630	-
TỔNG CỘNG	29.291.340.093	(10.275.741.008)	56.531.483.818	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	<i>20.787.279.787</i>		<i>48.027.423.512</i>	
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	<i>8.504.060.306</i>		<i>8.504.060.306</i>	

(*) Bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn và dài hạn không chịu lãi suất và không có tài sản đảm bảo của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống cho các hộ nông dân vay để phục vụ việc trồng mía nguyên liệu. Các khoản cho vay này sẽ được thanh toán bù trừ công nợ giữa Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống và các hộ nông dân trồng mía.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm	508.286.041.371	-	330.123.774.727	-
Nguyên liệu, vật liệu	99.885.187.662	(2.644.389.301)	100.073.282.105	(9.491.500)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.308.956.252	-	20.612.552.670	-
Công cụ, dụng cụ	1.513.774.196	(119.991.509)	1.276.148.671	-
Hàng hóa	75.864.957.503	-	2.481.443.210	-
Hàng gửi bán	149.062.948	-	-	-
TỔNG CỘNG	<u>711.007.979.932</u>	<u>(2.764.380.810)</u>	<u>454.567.201.383</u>	<u>(9.491.500)</u>

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	9.491.500	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	40.207.724	2.063.146.688
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.724.173.086	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(9.491.500)	(2.053.655.188)
Số cuối năm	<u>2.764.380.810</u>	<u>9.491.500</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	465.768.513.980	1.885.004.726.543	73.193.757.055	22.753.007.327	533.390.000	2.447.253.394.905
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	79.199.610.567	197.478.344.739	7.211.696.635	1.162.580.609	-	285.052.232.550
- Mua trong năm	58.197.286	5.305.889.561	943.490.909	487.978.470	-	6.795.556.226
- Đầu tư XDCB hoàn thành	143.678.267.020	97.233.031.718	-	-	-	240.911.298.738
- Thanh lý, nhượng bán	-	(424.024.827)	(323.333.333)	-	-	(747.358.160)
Số cuối năm	688.704.588.853	2.184.597.967.734	81.025.611.266	24.403.566.406	533.390.000	2.979.265.124.259
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	210.445.247.707	551.698.035.581	43.211.082.973	18.480.396.962	-	823.834.763.223
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	214.249.054.340	887.962.150.827	59.513.299.731	20.770.698.931	174.397.413	1.182.669.601.242
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	42.989.371.213	190.004.573.166	5.208.715.031	935.200.817	-	239.137.860.227
- Khấu hao trong năm	24.240.242.497	120.223.133.282	4.059.321.273	707.389.460	50.369.400	149.280.455.912
- Thanh lý, nhượng bán	-	(338.595.531)	(323.333.333)	-	-	(661.928.864)
Số cuối năm	281.478.668.050	1.197.851.261.744	68.458.002.702	22.413.289.208	224.766.813	1.570.425.988.517
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	251.519.459.640	997.042.575.716	13.680.457.324	1.982.308.396	358.992.587	1.264.583.793.663
Số cuối năm	407.225.920.803	986.746.705.990	12.567.608.564	1.990.277.198	308.623.187	1.408.839.135.742

(*) Công ty đã sử dụng một phần dây chuyền máy móc, thiết bị của Nhà máy Đường số 2 và của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 19.1 và Thuyết minh số 19.3. Ngoài ra, Công ty cũng đã sử dụng toàn bộ nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị của Trung tâm Công nghệ cao làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Thanh Hóa như được trình bày tại Thuyết minh số 19.3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Quyền sử dụng đất có thời hạn</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	4.817.702.014	5.472.286.063	9.187.279.718	19.477.267.795
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	893.954.178	900.340.700	1.794.294.878
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	12.411.918.917	-	12.411.918.917
Số cuối năm	4.817.702.014	18.778.159.158	10.087.620.418	33.683.481.590
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	-	363.340.700	363.340.700
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	326.968.551	8.184.262.984	8.511.231.535
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	3.799.998	607.518.396	611.318.394
- Hao mòn trong năm	-	283.154.494	614.882.719	898.037.213
Số cuối năm	-	613.923.043	9.406.664.099	10.020.587.142
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	4.817.702.014	5.145.317.512	1.003.016.734	10.966.036.260
Số cuối năm	4.817.702.014	18.164.236.115	680.956.319	23.662.894.448

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án văn phòng làm việc, nhà ở (*)	21.084.077.986	21.733.914.349
Dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn	37.958.246.150	30.161.090.391
Dự án nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn - Bà Thước	-	36.661.815.702
Dự án Công viên sinh thái Thanh Tam	5.373.410.359	-
Các dự án khác	8.175.073.536	8.406.629.051
TỔNG CỘNG	72.590.808.031	96.963.449.493

(*) Dự án văn phòng làm việc, nhà ở chủ yếu bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của dự án văn phòng làm việc khu Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội được Công ty đầu tư từ năm 2012. Công ty hiện đang tạm dừng việc triển khai dự án này trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	13.1	18.538.401.588	19.610.983.506
Đầu tư dài hạn khác	13.2	15.251.145.800	15.490.700.000
TỔNG CỘNG		33.789.547.388	35.101.683.506

13.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	46,31%	55.562	46,31%	55.562
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	38,39%	2.150.000	38,39%	2.150.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	32,00%	1.600.000	32,00%	1.600.000

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau:

Đơn vị tính: VND

	Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Tổng cộng
Số đầu năm	3.853.750.867	-	15.757.232.639	19.610.983.506
Phần lỗ từ công ty liên kết trong năm	(719.183.626)	-	(353.398.292)	(1.072.581.918)
Số cuối năm	3.134.567.241	-	15.403.834.347	18.538.401.588

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

(i) *Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa*

Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2800115518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 3 năm 2002. Công ty này có trụ sở chính tại số 25A đường Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa là kinh doanh dịch vụ khách sạn, kinh doanh dịch vụ quản lý nhà, cho thuê nhà và đất ở, cơ sở sản xuất kinh doanh và kinh doanh nhà kho, bến bãi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty nắm 46,31% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

(ii) *Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển*

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty nắm 38,39% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

(iii) *Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân*

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801700568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 18 tháng 7 năm 2011. Công ty này có trụ sở chính tại thôn 8, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là trồng cây mía, cung cấp dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và kinh doanh các sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty nắm 32% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)		15.251.145.800	-	15.251.145.800		15.490.700.000	-	15.490.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	1.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Tổng Công ty Mía đường I	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	-	-	-	-	231.420	2.314.200.000	-	2.314.200.000
Công ty Cổ phần MB Land	-	-	-	-	90.000	900.000.000	-	900.000.000
TỔNG CỘNG		15.251.145.800	-	15.251.145.800		15.490.700.000	-	15.490.700.000

(*) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại công ty này do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí kiểm tra, bảo trì, sửa chữa	-	9.697.414.940
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	450.525.258
Công cụ, dụng cụ	-	189.308.167
Chi phí chờ phân bổ tại Trung tâm Công nghệ cao	93.064.743	106.315.864
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.287.793.607	2.514.732.162
	1.380.858.350	12.958.296.391
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	35.474.138.945	24.872.022.187
Dự án tưới nước nhỏ giọt	3.237.165.219	3.668.787.243
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	5.754.613.076	458.195.034
Chi phí Dự án trồng mía giống tại Trung tâm Công nghệ cao	3.000.664.011	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.079.220.105	4.350.795.554
	50.545.801.356	33.349.800.018
TỔNG CỘNG	51.926.659.706	46.308.096.409

15. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả ngắn hạn cho người bán	44.961.265.534	44.961.265.534	33.317.573.822	33.317.573.822
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Thanh Hóa</i>	-	-	3.545.730.976	3.545.730.976
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	44.961.265.534	44.961.265.534	29.771.842.846	29.771.842.846
Phải trả cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 33</i>)	10.705.957.070	10.705.957.070	-	-
TỔNG CỘNG	55.667.222.604	55.667.222.604	33.317.573.822	33.317.573.822

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	27.829.620.612	8.987.931.340
<i>Công ty Đầu tư Phát triển Lam Kinh</i>	13.284.404.250	-
<i>Công ty Trách nhiệm hữu hạn Toàn Lộc</i>	-	6.246.540.000
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ Thăng Long</i>	-	1.140.490.000
<i>Người mua trả tiền trước khác</i>	14.545.216.362	1.600.901.340
Các bên liên quan trả tiền trước (<i>Thuyết minh số 33</i>)	88.393.070.000	-
TỔNG CỘNG	116.222.690.612	8.987.931.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	2.948.311.459	26.198.386.010	(27.061.956.544)	2.084.740.925
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 32.2)	3.387.408.161	15.396.032.101	(13.457.834.884)	5.325.605.378
Thuế thu nhập cá nhân	30.474.846	281.014.810	(225.044.321)	86.445.335
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	304.014.983	965.770.510	(900.680.203)	369.105.290
TỔNG CỘNG	6.670.209.449	42.841.203.431	(41.645.515.952)	7.865.896.928

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng Trung tâm công nghệ cao	6.136.942.545	22.056.496.818
Chi phí hỗ trợ vùng nguyên liệu	4.156.530.272	3.625.464.176
Chi phí lãi vay ngắn hạn	3.770.404.576	1.203.056.258
Chi phí khuyến mại cho khách hàng	2.878.975.000	1.091.730.428
Chi phí hỗ trợ quỹ khuyến học vùng nguyên liệu mía	763.984.339	736.570.272
Chi phí vận chuyển	-	1.268.435.455
Các khoản khác	4.991.017.711	2.911.327.345
TỔNG CỘNG	22.697.854.443	32.893.080.752

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Các khoản phải trả cán bộ, công nhân viên	495.048.674	1.104.888.380
Kinh phí công đoàn	1.746.746.403	1.829.917.879
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.329.061.412	1.521.235.618
Phải trả tiền thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận (*)	-	7.720.591.150
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng lao động (*)	-	850.000.000
Tiền lãi trái phiếu phải trả	-	367.139.800
Cổ tức phải trả	-	60.297.868
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	7.527.395.653	4.276.407.852
	11.098.252.142	17.730.478.547
Dài hạn		
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch về lợi nhuận (*)	7.720.591.150	-
Phải trả tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng (*)	1.100.000.000	-
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.240.264.833	-
	10.060.855.983	-
TỔNG CỘNG	21.159.108.125	17.730.478.547

(*) Trong năm, Công ty đã phân loại các khoản phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận và bảo lãnh thực hiện hợp đồng lao động từ khoản mục phải trả ngắn hạn khác sang khoản mục phải trả dài hạn khác do các khoản mục này không phải thanh toán trong ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	731.123.709.294	731.123.709.294	1.337.587.935.815	(1.425.237.873.630)	643.473.771.479	643.473.771.479
Vay đối tượng khác (*)	980.000.000	980.000.000	-	-	980.000.000	980.000.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	-	-	68.590.000.000	(25.370.000.000)	43.220.000.000	43.220.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả đối tượng khác (**)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
	734.103.709.294	734.103.709.294	1.406.177.935.815	(1.450.607.873.630)	689.673.771.479	689.673.771.479
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng	-	-	127.100.000.000	(62.110.000.000)	64.990.000.000	64.990.000.000
	-	-	127.100.000.000	(62.110.000.000)	64.990.000.000	64.990.000.000
TỔNG CỘNG	734.103.709.294	734.103.709.294	1.533.277.935.815	(1.512.717.873.630)	754.663.771.479	754.663.771.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	430.719.115.706	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 10 tháng, với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 15 tháng 2 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5% - 7,5%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sầm Sơn	50.446.609.822	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 23 tháng 12 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	4,5% - 5,5%	Một phần nhà xưởng và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Thanh Hóa	51.035.510.645	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 28 tháng 7 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5%	Một phần dây chuyền, máy móc thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam - Chi nhánh Thanh Hóa	48.892.687.869	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 7 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5%	Một phần nhà xưởng và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt nam - Chi nhánh Thanh Hóa	36.379.847.437	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 3 tháng 8 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	5,4%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Thanh Hóa	25.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 4 tháng 7 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	6,5%	Hàng tồn kho và các vật tư hàng hóa khác
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thanh Hóa	1.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 8 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	5,4%	Tín chấp
643.473.771.479				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Vay từ đối tượng khác

(*) Đây là các khoản vay ngắn hạn từ Quỹ khuyến học của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn căn cứ theo hợp đồng vay ngày 17 tháng 10 năm 2013 và hợp đồng vay ngày 4 tháng 11 năm 2014 với số tiền tương ứng là 800 triệu VND và 180 triệu VND. Các khoản vay này chịu lãi suất 6,5%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 9 năm 2016. Lãi vay được trả tại ngày đáo hạn của khoản vay.

(**) Đây là khoản vay dài hạn từ Công đoàn Công ty theo Hợp đồng số 02/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 1 năm 2014 (thay thế cho hợp đồng cũ số 02/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 12 năm 2011). Khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 1 tháng 1 năm 2017 và có lãi suất là 7,5%/năm. Lãi vay được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần.

19.3 Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Thanh Hóa	94.610.000.000	Gốc vay được thanh toán trong vòng 12 quý, với kỳ đầu tiên vào ngày 28 tháng 1 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng.	Lãi suất vay cố định trong 6 tháng đầu là 7,7%/năm. Từ tháng thứ 7, lãi vay được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng.	Toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng thuộc dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn và hệ thống tuabin thuộc Nhà máy đường số 2.
<i>Trong đó</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	37.780.000.000			
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	13.600.000.000	Gốc vay được thanh toán trong vòng 24 kỳ bán niên, với kỳ đầu tiên vào ngày 1 tháng 6 năm 2007. Lãi vay trả hàng tháng.	5,4%	Tín chấp
<i>Trong đó</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	5.440.000.000			
	108.210.000.000			
<i>Trong đó</i> <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	43.220.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	71.594.003.428	71.130.016.794
Trích lập quỹ trong năm	2.308.254.240	5.416.236.364
Tăng do hợp nhất kinh doanh	593.858.569	-
Điều chuyển sang nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	(42.164.074.443)	-
Giảm khác	(1.704.349.339)	-
Sử dụng quỹ trong năm	(6.256.286.764)	(4.952.249.730)
Số cuối năm	<u>24.371.405.691</u>	<u>71.594.003.428</u>

21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	54.845.221.078	55.383.687.767
Trích lập quỹ trong năm	6.000.000.000	-
Sử dụng quỹ trong năm	(2.883.056.613)	(538.466.689)
Số cuối năm	<u>57.962.164.465</u>	<u>54.845.221.078</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ</i>	<i>16.206.992.705</i>	<i>11.949.411.078</i>
<i>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ</i>	<i>41.755.171.760</i>	<i>42.895.810.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	500.000.000.000	180.276.411.784	503.247.593.760	64.842.089.541	-	24.874.077.167	1.273.240.172.252
- Tăng vốn	200.000.000.000	-	-	-	-	-	200.000.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	33.643.779.047	33.643.779.047
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	(3.025.246.665)	(3.025.246.665)
- Tăng/(giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	4.201.305.174	498.483.224	-	(5.112.412.984)	(412.624.586)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(22.500.000.000)	(22.500.000.000)
- Trích lập và điều chuyển quỹ	-	-	7.493.153.861	(13.464.430)	133.182.845	(7.612.872.276)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.416.236.364)	(5.416.236.364)
- Tăng, giảm khác	-	(100.000.000)	625.992.263	-	-	1.435.929.872	1.961.922.135
- Điều chuyển quỹ theo Thông tư 200	-	-	65.327.108.335	(65.327.108.335)	-	-	-
Số cuối năm	700.000.000.000	180.176.411.784	580.895.153.393	-	133.182.845	16.287.017.797	1.477.491.765.819
Năm nay							
Số đầu năm	700.000.000.000	180.176.411.784	580.895.153.393	-	133.182.845	16.287.017.797	1.477.491.765.819
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	98.383.217.594	98.383.217.594
- Tăng (giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	(1.120.718.772)	-	-	1.141.142.729	20.423.957
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(10.500.000.000)	(10.500.000.000)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.746.774.021	-	-	(1.746.774.021)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.308.254.240)	(2.308.254.240)
- Hoàn nhập lợi nhuận chưa phân phối (**)	-	-	(13.494.612.059)	-	-	13.494.612.059	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	538.903.896	538.903.896
Số cuối năm	700.000.000.000	180.176.411.784	568.026.596.583	-	133.182.845	115.289.865.814	1.563.626.057.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (*) Công ty đã thực hiện chia cổ tức còn lại của năm 2014 theo Nghị quyết số 554 NQ/ĐLS – HĐQT ngày 1 tháng 9 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty.
- (**) Đây là một phần giá trị của quỹ dự phòng tài chính được điều chuyển về Quỹ Đầu tư phát triển theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC và sau đó được chuyển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết số 532 NQ/ĐLS – HĐQT ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty.

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784	-	180.276.411.784	180.276.411.784	-
TỔNG CỘNG	880.176.411.784	880.176.411.784	-	880.276.411.784	880.276.411.784	-

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	700.000.000.000	500.000.000.000
Tăng vốn trong năm	-	200.000.000.000
Số cuối năm	<u>700.000.000.000</u>	<u>700.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.132.725.976	50.509.700.861

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2015: 10.000 VND).

22.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đã được duyệt	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.5 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chia từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức cho năm 2014	10.500.000.000	22.500.000.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả (*)	42.000.000.000	-

(*) Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty số 808 NQ/2015/ĐLS-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 11 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt việc tạm ứng cổ tức đợt 1 từ lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 với số tiền là 600 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết số 357 NQ/ĐLS-HĐQT ngày 8 tháng 8 năm 2016.

23. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	427.362.774	11.653.342.814
Tăng do mua công ty con (Thuyết minh số 4.1)	20.474.711.525	-
Bán cổ phần trong năm	1.550.000.000	-
Mua cổ phần trong năm	(300.000.000)	-
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu	(20.423.957)	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuộc về cổ đông không kiểm soát trong năm	3.617.501.014	(5.082.432.974)
Các điều chỉnh giảm khác	(135.012.535)	(6.143.547.066)
Số cuối năm	25.614.138.821	427.362.774

24. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

24.1 Nguồn kinh phí

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	549.973.593	715.699.193
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	4.596.550.000	39.674.400
Chi sự nghiệp	(1.237.188.000)	(205.400.000)
Số cuối năm	3.909.335.593	549.973.593

24.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	83.334.664	83.334.664
Tài sản điều chuyển nguồn từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 20)	42.164.074.443	-
Sử dụng trong năm	(2.092.605.627)	-
Giảm khác	(83.334.664)	-
Số cuối năm	40.071.468.816	83.334.664

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND) (*)	29.167.000.000	19.459.985.000
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.594.806.581	1.594.806.581
3. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	1.157	894
- Euro (EUR)	105	105

(*) Hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là giá trị của 2.040,5 tấn đường được Công ty xuất bán cho khách hàng và đang được gửi tại kho của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính.

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.010.303.955.884	1.637.747.887.516
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	1.603.324.473.555	1.537.584.462.032
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	366.927.841.723	84.399.295.238
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	40.051.640.606	15.764.130.246
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	1.059.758.649
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	1.059.758.649
Doanh thu thuần	2.010.303.955.884	1.636.688.128.867
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	1.603.324.473.555	1.536.524.703.384
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	366.927.841.723	84.399.295.238
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	40.051.640.606	15.764.130.245
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	215.097.076.186	-
<i>Doanh thu bán hàng cho các bên khác</i>	1.795.206.879.698	1.636.688.128.867

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.292.885.000	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.334.564.348	4.047.344.673
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	396.005.304	113.093.838
Lãi bán hàng trả chậm	215.091.500	97.037.500
Doanh thu hoạt động tài chính khác	496.174.451	77.869.504
TỔNG CỘNG	13.734.720.603	4.335.345.515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.337.216.640.962	1.373.018.133.738
Giá vốn của hàng hóa đã bán	357.949.494.221	82.489.009.553
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	38.833.970.508	10.719.061.321
TỔNG CỘNG	<u>1.734.000.105.691</u>	<u>1.466.226.204.612</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	41.109.240.410	44.982.781.731
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.517.030.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	786.783.106	197.821.643
Chi phí tài chính khác	-	716.003.950
TỔNG CỘNG	<u>44.413.053.516</u>	<u>45.896.607.324</u>

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	49.329.064.504	39.421.328.818
Chi phí nhân công	8.281.857.072	9.785.196.802
Chi phí vận chuyển	25.235.251.377	19.805.375.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.585.355.159	5.264.178.680
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.133.202.641	1.293.757.604
Chi phí bán hàng khác	5.093.398.255	3.272.820.033
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	72.086.476.755	48.656.599.820
Chi phí nhân công	24.225.740.383	19.911.947.972
Trích lập quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ	6.000.000.000	781.294.910
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	7.195.849.282	6.577.066.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.336.458.433	8.355.016.854
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.328.428.657	13.031.273.541
TỔNG CỘNG	<u>121.415.541.259</u>	<u>88.077.928.638</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	2.255.390.844	6.023.293.092
Thu nhập từ hoạt động bán sắt, thép, phế liệu	1.027.380.000	-
Xử lý công nợ tồn đọng lâu ngày	-	1.755.711.518
Thu nhập từ bán chứng chỉ giảm phát thải CER	-	3.827.434.514
Lãi từ giao dịch mua rẻ (<i>Thuyết minh số 4.1.1</i>)	754.019.902	-
Thu nhập khác	473.990.942	440.147.060
Chi phí khác	8.409.449.204	7.649.184.123
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm dừng sản xuất	6.848.868.234	5.284.284.329
Chi phí phạt và truy thu thuế	1.338.767.591	216.548.318
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và vật tư tiêu hủy	-	1.331.937.261
Chi phí tư vấn dự án cơ chế phát triển sạch CDM	-	394.807.899
Chi phí khác	221.813.379	421.606.316
LỖ THUẬN KHÁC	(6.154.058.360)	(1.625.891.031)

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.279.599.090.489	1.182.608.974.917
Chi phí nhân công	83.593.484.042	63.565.207.137
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	141.325.586.756	112.868.963.582
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.379.294.584	87.031.405.886
Chi phí khác	31.427.367.084	27.036.788.283
TỔNG CỘNG	1.680.324.822.955	1.473.111.339.805

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty và các công ty con là 22% trên tổng thu nhập chịu thuế cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 20% trên tổng thu nhập chịu thuế cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, ngoại trừ các đơn vị dưới đây:

- ▶ Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa cho kỳ/năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 trở đi;
- ▶ Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa và 17% đối với các thu nhập từ các hoạt động khác tại địa bàn huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;
- ▶ Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn, nay là Xi nghiệp Cơ giới trực thuộc Công ty được miễn thuế TNDN đối với hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.592.947.996	10.932.521.469
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	389.669.139	(55.184.003)
TỔNG CỘNG	<u>14.982.617.135</u>	<u>10.877.337.466</u>

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.2 Thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận thuần trước thuế	116.983.335.743	39.438.683.539
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Các khoản phạt	1.338.767.591	216.548.318
Khấu hao vượt mức quy định	334.922.510	374.422.511
Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất (nhà máy cồn và nhà máy đường số 1)	6.848.868.234	5.284.284.329
Thủ lao HĐQT, BKS không chuyên trách	500.900.000	519.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	-	182.081.212
Các khoản tăng khác	542.000.000	279.876.336
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(9.292.885.000)	-
Điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, ghi nhận phần lỗ trong công ty liên kết	(3.560.236.844)	(1.933.904.320)
Thu nhập từ bán chứng chỉ giảm phát thải CER	-	(3.432.626.615)
Các khoản giảm khác	(716.054.703)	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	112.979.617.531	40.928.365.310
Lỗ năm trước chuyển sang	(5.874.866.513)	(2.310.844.566)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	107.104.751.018	38.617.520.744
<i>Thu nhập chịu thuế suất 22%</i>	<i>163.283.877</i>	<i>50.829.802.127</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất 20%</i>	<i>786.388.338</i>	<i>-</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất 17%</i>	<i>926.355.198</i>	<i>-</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất 15%</i>	<i>102.025.893.020</i>	<i>-</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất 10%</i>	<i>5.727.969.444</i>	<i>-</i>
<i>Lỗ của các công ty con (*)</i>	<i>(2.525.138.859)</i>	<i>(12.212.281.383)</i>
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	16.227.361.402	11.182.556.469
Điều chỉnh giảm thuế TNDN năm trước	(1.634.413.406)	(250.035.000)
Giảm thuế TNDN phải nộp từ hợp nhất kinh doanh	(2.552.679.510)	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	3.387.408.161	9.420.698.287
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp theo biên bản của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa	1.533.361.433	395.542.848
Thuế TNDN đã trả trong năm	(13.457.834.884)	(17.361.354.443)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	3.503.203.196	3.387.408.161
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thuế TNDN phải nộp cuối năm (Thuyết minh số 16)</i>	<i>5.325.605.378</i>	<i>3.387.408.161</i>
<i>Thuế TNDN trả trước cuối năm</i>	<i>(1.822.402.182)</i>	<i>-</i>

(*) Công ty và các công ty con không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ này do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ được cần trừ khi hợp nhất	-	389.669.139	389.669.139	-
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản thuần của công ty con tại ngày mua	5.613.289.027	-		
	5.613.289.027	389.669.139		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Các khoản chênh lệch phát sinh	-	-	-	(55.184.003)
	-	-		
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			389.669.139	(55.184.003)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Mía đường I	Công ty thuộc danh mục đầu tư dài hạn khác	Bán đường Phí gia công đường Mua đường thô	23.353.904.761 9.682.860.000 89.606.030.303	- - -
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	Công ty thuộc danh mục đầu tư dài hạn khác	Nhận chuyển nhượng cổ phần	16.725.503.674	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	51.181.928.773	100.894.774.021
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Bán đường	191.743.171.425	-
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	Mua nguyên vật liệu	19.433.800.087	14.971.405.440

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi từ các bên liên quan với số tiền là: 5.712.831.653 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2015: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2015, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	Công ty liên kết	Phải thu tiền mua nguyên vật liệu	600.000.000	-
			3.521.603.000	2.921.603.000
Trả trước cho người bán (Thuyết minh số 6.2)				
Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	Tạm ứng tiền sản xuất	5.404.702.573	14.971.405.440
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000	882.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mía	-	40.475.971.703
			6.286.702.573	56.329.377.143
Phải thu khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306	8.504.060.306
			8.504.060.306	8.504.060.306
Phải trả người bán (Thuyết minh số 15.1)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	Công ty liên kết	Phải trả tiền mua hàng hóa	10.705.957.070	-
			10.705.957.070	-
Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 15.2)				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	Trả trước tiền mua đường	79.214.670.000	-
Tổng Công ty Mía đường I	Công ty thuộc danh mục đầu tư dài hạn khác	Trả trước tiền mua đường	9.178.400.000	-
			88.393.070.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	3.656.904.299	4.038.117.706
TỔNG CỘNG	<u>3.656.904.299</u>	<u>4.038.117.706</u>

34. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	98.383.217.594	33.643.779.047
Trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(2.034.922.583)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>98.383.217.594</u>	<u>31.608.856.464</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	70.000.000	64.410.959
<i>Ảnh hưởng của việc phát hành trái phiếu chuyển đổi</i>		
Số lượng trái phiếu chuyển đổi	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông	<u>70.000.000</u>	<u>64.410.959</u>
Lãi trên cổ phiếu		
- <i>Lãi cơ bản</i>	1.405	491
- <i>Lãi suy giảm</i>	1.405	491

(*) Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa có kế hoạch phân chia quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 98,01% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

36. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty và các công ty con có cam kết khoảng 19,3 tỷ VND từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Như được trình bày tại Thuyết minh số 22.5, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 357 NQ/ĐLS-HĐQT ngày 8 tháng 8 năm 2016 phê duyệt việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 bằng tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 với số tiền là 600 VND/cổ phiếu. Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục cần thiết để thực hiện chi trả cổ tức đợt 1 này.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

		
_____ Người lập Đỗ Thị Thanh Hà	_____ Kế toán trưởng Lê Thị Huệ	_____ Tổng Giám đốc Lê Văn Phương



Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 22 tháng 9 năm 2016